BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI
----------o0o----------

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hanh phúc
----------o0o----------

Môn: Thực hành tiếng 3B

Ngày thi: 24/5/2018

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Chuyên cần (10%)	Giữa kỳ (30%)	Cuối kỳ (60%)	Nghe	Nói	Đọc	Viết	TBC	Ghi chú
1	1707070001	Bùi Diệp Anh	05/03/1999	Nữ	8.0	8.0	7.6	7.0	8.0	8.0	7.5	7.78	
2	1707070002	Hoàng Phương Anh	25/10/1999	Nữ	9.0	8.0	8.4	9.0	8.0	8.0	8.5	8.33	
3	1707070003	Nguyễn Hồng Anh	19/10/1999	Nữ	10.0	8.5	8.3	7.5	8.5	8.5	8.5	8.50	
4	1707070004	Nguyễn Thị Kim Anh	14/10/1998	Nữ	10.0	8.5	9.1	9.5	8.5	9.5	9.0	9.03	
5	1707070005	Nguyễn Thị Vân Anh	26/12/1999	Nữ	9.0	8.5	9.1	10.0	9.0	9.0	8.5	8.93	
6	1707070006	Phạm Huyền Anh	26/02/1999	Nữ	10.0	7.5	8.4	8.5	8.5	8.5	8.0	8.28	
7	1707070007	Phạm Thị Phương Anh	15/12/1999	Nữ	10.0	8.5	8.4	9.5	8.0	8.0	8.0	8.58	
8	1707070008	Tô Phương Anh	21/09/1999	Nữ	10.0	8.5	8.3	8.0	8.5	9.0	7.5	8.50	
9	1707070009	Trương Mỹ Anh	31/05/1999	Nữ	7.0	7.5	7.0	7.5	7.5	7.5	5.5	7.15	
10	1707070010	Vũ Thị Phương Anh	07/11/1999	Nữ	10.0	8.0	8.1	8.5	8.5	8.0	7.5	8.28	
11	1707070011	Nguyễn Thị Hồng Ánh	25/11/1999	Nữ	9.5	8.5	8.5	9.5	8.5	8.5	7.5	8.60	
12	1707070012	Vương Thị Ngọc Bình	01/06/1999	Nữ	10.0	8.0	8.5	8.0	9.0	8.5	8.5	8.50	
13	1707070013	Trần Thảo Chi	27/06/1999	Nữ	9.5	8.5	8.9	9.5	8.5	8.5	9.0	8.83	
14	1707070014	Vũ Thùy Chinh	01/11/1999	Nữ	9.5	9.0	8.4	8.5	8.0	9.0	8.0	8.68	
15	1707070015	Nguyễn Thị Diệp	07/02/1999	Nữ	9.0	8.5	8.1	8.5	8.0	9.0	7.0	8.33	
16	1707070016	Nguyễn Ngọc Dung	08/06/1999	Nữ	9.0	9.0	7.3	7.0	7.5	8.0	6.5	7.95	
17	1707070017	Nguyễn Thị Quỳnh Duyên	12/04/1999	Nữ	10.0	7.5	8.9	9.0	9.0	9.0	8.5	8.58	
18	1707070018	Phạm Hoàng Mỹ Duyên	01/12/1999	Nữ	9.5	8.5	8.3	8.0	9.0	8.0	8.0	8.45	
19	1707070019	Nguyễn Thị Thuỳ Dương	28/02/1999	Nữ	10.0	9.0	8.5	8.0	8.0	9.5	8.5	8.80	
20	1707070020	Lưu Quỳnh Giang	29/10/1999	Nữ	10.0	8.0	6.8	4.5	8.5	7.5	6.5	7.45	
21	1707070021	Nguyễn Hương Giang	20/08/1999	Nữ	9.0	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0	7.0	8.10	
22	1707070022	Trần Thu Giang	18/01/1999	Nữ	9.5	8.5	7.4	7.5	8.0	6.5	7.5	7.93	
23	1707070023	Bùi Nguyệt Hà	22/11/1999	Nữ	8.5	9.0	7.3	8.0	8.0	7.0	6.0	7.90	
24	1707070024	Ngô Thị Hà	06/10/1998	Nữ	9.5	8.5	7.5	7.5	8.5	7.5	6.5	8.00	
25	1707070025	Trần Thị Hạ	04/04/1999	Nữ	10.0	8.5	8.1	9.0	8.5	7.5	7.5	8.43	
26	1707070026	Đỗ Ngọc Hải	23/10/1999	Nữ	9.5	8.0	7.6	8.5	8.5	7.0	6.5	7.93	
27	1707070027	Hoàng Thị Hạnh	07/05/1999	Nữ	8.0	8.0	6.6	6.5	7.5	7.0	5.5	7.18	
28	1707070028	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	22/02/1999	Nữ	9.5	8.5	7.8	7.5	8.0	8.0	7.5	8.15	
29	1707070029	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	08/07/1999	Nữ	10.0	9.0	8.8	9.0	9.0	9.0	8.0	8.95	
30	1707070030	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	03/11/1999	Nữ	10.0	9.0	8.8	9.0	9.0	8.0	9.0	8.95	
31	1707070031	Phạm Thị Hạnh	20/08/1999	Nữ	7.0	9.0	8.0	7.5	8.0	9.0	7.5	8.20	
32	1707070032	Trần Thị Hồng Hạnh	08/03/1999	Nữ	10.0	8.5	8.1	8.0	8.5	8.5	7.5	8.43	
33	1707070033	Vũ Hồng Hạnh	09/01/1999	Nữ	9.0	8.0	6.9	7.0	7.5	6.5	6.5	7.43	
34	1707070034	Bùi Thị Hảo	29/08/1999	Nữ	10.0	8.5	8.1	8.0	8.5	8.5	7.5	8.43	
35	1707070035	Lê Thị Hằng	07/02/1999	Nữ	9.5	8.0	7.8	7.0	8.0	9.0	7.0	8.00	
36	1707070036	Ngô Thúy Hằng	09/02/1999	Nữ	10.0	7.5	8.1	7.0	9.0	8.5	8.0	8.13	
37	1707070037	Nguyễn Minh Hằng	02/10/1999	Nữ	9.5	8.5	8.4	9.5	8.0	8.0	8.0	8.53	
38	1707070038	Nguyễn Thị Minh Hằng	13/08/1999	Nữ	8.5	8.0	6.0	3.5	7.5	7.0	6.0	6.85	
39	1707070039	Trịnh Thị Thu Hằng	14/06/1999	Nữ	10.0	9.0	8.3	8.0	8.5	9.0	7.5	8.65	
40	1707070040	Vũ Diệu Hằng	02/01/1999	Nữ	7.5	7.0	6.6	6.5	7.0	6.5	6.5	6.83	
41	1707070041	Vũ Thị Thúy Hằng	28/02/1999	Nữ	9.0	8.0	8.1	8.5	8.0	8.5	7.5	8.18	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Chuyên cần (10%)	Giữa kỳ (30%)	Cuối kỳ (60%)					TBC	Ghi chú
42	1707070042	Nguyễn Thị Thu Hiền	06/11/1999	Nữ	9.0	8.5	8.6	10.0	9.0	7.0	8.5	8.63	
43	1707070043	Nguyễn Thu Hiền	15/09/1999	Nữ	9.5	8.0	4.8	5.0	8.5	0.0	5.5	6.20	**B - Đọc**
44	1707070044	Phùng Thị Hoa	15/02/1999	Nữ	9.5	8.0	7.8	8.0	8.0	7.5	7.5	8.00	
45	1707070045	Trương Thị Hoa	14/12/1999	Nữ	9.0	9.0	7.0	6.0	7.0	7.5	7.5	7.80	
46	1707070046	Vũ Lương Tú Hoa	12/07/1999	Nữ	8.5	8.5	7.8	9.0	8.0	7.5	6.5	8.05	
47	1707070047	Trần Thu Hoài	20/12/1999	Nữ	10.0	8.0	8.8	9.0	8.5	9.0	8.5	8.65	
48	1707070048	Nguyễn Thị Hồng	13/08/1999	Nữ	9.0	8.0	8.5	10.0	8.5	7.5	8.0	8.40	
49	1707070049	Nguyễn Thị Hồng	08/04/1999	Nữ	7.5	7.0	7.5	8.0	7.5	7.5	7.0	7.35	
50	1707070050	Phan Ngọc Thu Hồng	26/12/1999	Nữ	9.5	8.0	8.4	9.0	8.5	9.0	7.0	8.38	
51	1707070051	Hoàng Ngọc Huyền	16/07/1999	Nữ	8.5	8.5	7.6	6.0	8.5	7.5	8.5	7.98	
52	1707070052	Nguyễn Thị Huyền	18/03/1999	Nữ	10.0	8.0	7.6	6.5	8.0	8.0	8.0	7.98	
53	1707070053	Nguyễn Thị Huyền	19/02/1999	Nữ	9.0	7.5	6.8	6.5	7.5	7.5	5.5	7.20	
54	1707070054	Phạm Thị Huyền	16/09/1999	Nữ	9.0	9.0	5.9	2.5	8.5	6.0	6.5	7.13	
55	1707070055	Đào Thị Thanh Hương	19/03/1999	Nữ	9.0	9.0	7.4	7.5	8.0	7.0	7.0	8.03	
56	1707070056	Nguyễn Thị Hương	15/02/1999	Nữ	10.0	8.5	7.9	7.5	8.0	9.0	7.0	8.28	
57	1707070057	Nguyễn Thị Thu Hương	08/06/1999	Nữ	10.0	8.5	8.8	9.5	8.5	8.5	8.5	8.80	
58	1707070058	Nguyễn Thị Thu Hương	18/05/1999	Nữ	9.5	9.0	9.1	9.5	9.0	9.0	9.0	9.13	
59	1707070059	Trần Quỳnh Hương	27/06/1999	Nữ	10.0	8.5	7.5	7.0	8.0	8.0	7.0	8.05	
60	1707070060	Trần Thị Thuý Hương	23/05/1999	Nữ	10.0	8.0	7.8	8.0	8.0	8.0	7.0	8.05	
61	1707070061	Trần Thu Hương	15/07/1999	Nữ	10.0	9.0	8.5	8.0	8.5	8.5	9.0	8.80	
62	1707070062	Nguyễn Thị Thu Hường	20/04/1999	Nữ	10.0	7.5	8.6	9.0	8.0	8.5	9.0	8.43	
63	1707070063	Trịnh Thu Hường	29/03/1999	Nữ	9.0	9.0	8.4	9.0	8.5	8.0	8.0	8.63	
64	1707070064	Lại Thị Khánh	02/07/1999	Nữ	8.5	7.5	8.4	7.0	9.0	9.0	8.5	8.13	
65	1707070065	Nguyễn Tùng Lâm	26/01/1999	Nam	9.0	8.0	7.4	7.5	8.5	7.0	6.5	7.73	
66	1707070066	Hoàng Thị Liên	09/01/1999	Nữ	10.0	8.5	8.0	7.0	9.0	7.0	9.0	8.35	
67	1707070067	Dương Khánh Linh	11/01/1999	Nữ	10.0	8.5	8.5	9.0	8.5	8.0	8.5	8.65	
68	1707070069	Lê Thị Mỹ Linh	05/06/1999	Nữ	9.0	9.0	7.6	9.0	8.0	7.5	6.0	8.18	
69	1707070070	Lê Thị Thùy Linh	14/03/1999	Nữ	10.0	8.0	9.0	10.0	9.0	8.5	8.5	8.80	
70	1707070071	Lê Thuỳ Linh	31/01/1999	Nữ	10.0	8.5	6.9	6.0	7.5	7.0	7.0	7.68	
71	1707070072	Ngô Thị Mỹ Linh	29/08/1999	Nữ	10.0	8.5	9.1	9.5	9.0	9.0	9.0	9.03	
72	1707070073	Nguyễn Hải Linh	14/08/1999	Nữ	8.5	8.0	8.9	9.5	8.5	9.0	8.5	8.58	
73	1707070074	Nguyễn Mai Linh	12/09/1999	Nữ	9.0	7.5	8.4	9.0	7.5	8.0	9.0	8.18	
74	1707070075	Nguyễn Tân Linh	13/11/1998	Nữ	9.5	8.0	6.6	6.0	7.5	7.0	6.0	7.33	
75	1707070076	Nguyễn Thị Diệu Linh	02/01/1999	Nữ	9.0	8.0	7.1	6.5	8.5	7.0	6.5	7.58	
76	1707070077	Nguyễn Thị Diệu Linh	19/02/1999	Nữ	10.0	7.5	7.8	8.0	7.5	7.5	8.0	7.90	
77	1707070078	Nguyễn Thị Thảo Linh	27/03/1999	Nữ	10.0	8.0	7.8	7.0	8.5	8.0	7.5	8.05	
78	1707070079	Nguyễn Thùy Linh	19/07/1999	Nữ	10.0	9.5	8.9	10.0	8.5	8.5	8.5	9.18	
79	1707070080	Nguyễn Thùy Linh	30/03/1999	Nữ	8.0	8.5	8.3	8.5	8.5	7.5	8.5	8.30	
80	1707070081	Phạm Thị Diệu Linh	28/07/1999	Nữ	10.0	9.0	7.8	7.5	8.5	6.5	8.5	8.35	
81	1707070082	Phạm Thị Thùy Linh	22/01/1999	Nữ	10.0	8.0	8.3	7.0	8.0	8.5	9.5	8.35	
82	1707070083	Trần Diệu Linh	29/09/1999	Nữ	9.5	7.5	6.4	6.0	8.0	6.0	5.5	7.03	
83	1707070084	Trịnh Thị Thùy Linh	11/10/1999	Nữ	10.0	9.0	8.6	9.0	8.5	8.5	8.5	8.88	
84	1707070085	Trương Khánh Linh	20/06/1999	Nữ	9.5	8.5	7.8	6.0	8.0	8.5	8.5	8.15	
85	1707070086	Vũ Yến Linh	01/10/1999	Nữ	8.5	8.0	8.3	10.0	8.5	7.5	7.0	8.20	
86	1707070087	Nguyễn Đình Hải Loan	22/09/1999	Nữ	9.5	9.0	8.8	9.0	8.5	9.0	8.5	8.90	
87	1707070088	Nguyễn Thị Thanh Loan	05/11/1999	Nữ	10.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.5	7.5	8.20	
88	1707070089	Nguyễn Ngọc Mai	29/11/1999	Nữ	9.5	8.5	8.3	9.0	8.0	8.0	8.0	8.45	
89	1707070090	Trần Hương Mai	09/01/1999	Nữ	10.0	9.0	8.1	7.0	8.5	8.5	8.5	8.58	
90	1707070091	Nguyễn Thị Mơ	23/06/1999	Nữ	9.5	8.0	7.3	5.0	8.0	8.0	8.0	7.70	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Chuyên cần (10%)	Giữa kỳ (30%)	Cuối kỳ (60%)					TBC	Ghi chú
91	1707070092	Nguyễn Hà My	19/10/1999	Nữ	10.0	7.5	7.4	7.0	8.0	7.5	7.0	7.68	
92	1707070093	Nguyễn Huyền My	16/09/1999	Nữ	10.0	9.0	7.1	7.0	8.0	7.5	6.0	7.98	
93	1707070094	Chu Thị Ninh	26/04/1999	Nữ	9.0	8.5	8.4	9.0	8.5	7.0	9.0	8.48	
94	1707070095	Hoàng Thị Hồng Nụ	23/12/1999	Nữ	9.0	8.0	8.5	8.5	8.5	9.0	8.0	8.40	
95	1707070096	Nguyễn Hồng Nga	22/06/1999	Nữ	9.5	8.5	8.5	9.0	8.5	8.0	8.5	8.60	
96	1707070097	Nguyễn Thị Lý Nguyệt Nga	01/11/1999	Nữ	9.0	8.5	8.5	9.0	7.5	8.5	9.0	8.55	
97	1707070098	Nguyễn Thị Thanh Nga	11/04/1999	Nữ	9.5	8.5	9.3	10.0	8.5	9.5	9.0	9.05	
98	1707070099	Lê Thảo Ngân	21/08/1999	Nữ	8.5	8.0	8.1	7.5	8.0	9.0	8.0	8.13	
99	1707070100	Nguyễn Thảo Ngân	18/12/1999	Nữ	9.5	9.5	8.0	7.5	8.0	7.5	9.0	8.60	
100	1707070101	Đinh Thị Nguyệt	26/06/1999	Nữ	9.0	9.0	8.0	9.0	8.0	8.0	7.0	8.40	
101	1707070102	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	17/07/1999	Nữ	10.0	8.0	6.6	**4.5**	7.5	7.5	7.0	7.38	
102	1707070103	Lê Thị Hồng Nhung	24/08/1999	Nữ	9.5	7.5	8.3	7.5	7.5	8.5	9.5	8.15	
103	1707070104	Nguyễn Hồng Nhung	27/12/1999	Nữ	10.0	8.5	9.3	9.0	9.0	10.0	9.0	9.10	
104	1707070105	Nguyễn Thị Hồng Nhung	18/12/1999	Nữ	10.0	8.0	8.5	8.5	8.5	8.5	8.5	8.50	
105	1707070106	Phan Hồng Nhung	22/11/1999	Nữ	7.5	8.0	9.3	10.0	8.5	9.0	9.5	8.70	
106	1707070107	Nguyễn Kiều Oanh	12/12/1999	Nữ	6.0	7.5	8.0	9.0	8.0	9.0	6.0	7.65	
107	1707070109	Trần Thị Kim Oanh	31/10/1999	Nữ	9.0	8.5	8.0	6.5	9.0	8.5	8.0	8.25	
108	1707070110	Ngô Như Phương	03/12/1999	Nữ	9.5	8.0	8.5	8.5	8.0	9.0	8.5	8.45	
109	1707070111	Nguyễn Lưu Hà Phương	11/02/1999	Nữ	8.0	8.0	8.3	8.5	7.5	8.0	9.0	8.15	
110	1707070112	Nguyễn Minh Phương	18/09/1999	Nữ	8.0	8.5	6.6	6.5	7.5	5.5	7.0	7.33	
111	1707070114	Nguyễn Thị Phương	31/07/1999	Nữ	9.5	8.0	7.6	7.0	8.0	8.0	7.5	7.93	
112	1707070115	Nhữ Quỳnh Phương	13/11/1999	Nữ	9.5	9.0	8.9	8.5	8.5	9.0	9.5	8.98	
113	1707070116	Lê Thị Phượng	20/03/1999	Nữ	9.5	8.0	7.9	7.5	8.0	8.0	8.0	8.08	
114	1707070117	Vũ Thị Phượng	25/08/1998	Nữ	9.0	7.5	7.6	7.5	7.5	7.5	8.0	7.73	
115	1707070118	Lê Nguyễn Quyên	10/12/1999	Nữ	8.5	8.0	6.0	5.5	7.5	5.5	5.5	6.85	
116	1707070119	Phạm Thị Thanh Quyên	17/06/1999	Nữ	7.0	8.5	8.8	9.0	8.5	9.0	8.5	8.50	
117	1707070120	Đinh Thúy Quỳnh	14/07/1999	Nữ	10.0	9.0	8.9	9.0	8.5	9.5	8.5	9.03	
118	1707070122	Vũ Thị Hương Quỳnh	13/10/1999	Nữ	9.5	8.5	8.1	7.0	8.0	9.0	8.5	8.38	
119	1707070123	Lê Thị Tâm	09/07/1999	Nữ	9.5	7.5	8.5	9.0	8.5	8.5	8.0	8.30	
120	1707070124	Nguyễn Thị Tâm	29/01/1999	Nữ	10.0	8.0	8.6	9.0	8.5	8.0	9.0	8.58	
121	1707070125	Nguyễn Thủy Tiên	21/12/1999	Nữ	9.5	9.0	9.1	9.5	9.0	9.0	9.0	9.13	
122	1707070126	Nguyễn Thủy Tiên	01/02/1999	Nữ	9.5	7.5	9.0	10.0	8.5	8.5	9.0	8.60	
123	1707070127	Bùi Thị Thanh Tỉnh	12/04/1999	Nữ	9.0	8.0	7.8	7.0	8.0	8.5	7.5	7.95	
124	1707070128	Nguyễn Cẩm Tú	18/11/1999	Nữ	8.0	8.0	6.8	5.5	7.5	7.5	6.5	7.25	
125	1707070129	Phan Anh Tú	09/10/1999	Nữ	8.5	8.0	8.9	9.0	9.0	8.5	9.0	8.58	
126	1707070130	Nguyễn Hà Thanh	12/11/1999	Nữ	6.5	8.0	7.4	6.5	8.0	7.5	7.5	7.48	
127	1707070131	Nguyễn Thị Huyền Thanh	20/04/1999	Nữ	9.5	8.0	8.0	7.0	8.5	8.5	8.0	8.15	
128	1707070132	Trần Thị Thanh	01/05/1999	Nữ	9.5	8.5	8.8	9.0	7.5	9.5	9.0	8.75	
129	1707070133	Tạ Thị Thanh Thảo	08/07/1999	Nữ	9.5	7.0	6.5	**4.0**	8.0	7.5	6.5	6.95	
130	1707070134	Tống Thị Thảo	20/10/1999	Nữ	9.0	8.5	7.8	8.0	7.5	7.5	8.0	8.10	
131	1707070135	Đặng Thị Thu	22/08/1999	Nữ	9.0	9.0	8.1	8.5	7.0	8.5	8.5	8.48	
132	1707070136	Phạm Phương Thùy	22/10/1999	Nữ	8.5	8.0	7.5	7.0	7.5	7.5	8.0	7.75	
133	1707070137	Vũ Thị Thu Thủy	31/03/1999	Nữ	10.0	8.5	7.6	7.5	7.5	7.5	8.0	8.13	
134	1707070138	Nguyễn Minh Thúy	04/09/1999	Nữ	10.0	8.5	8.9	9.0	8.5	9.0	9.0	8.88	
135	1707070139	Đặng Thị Thương Thương	20/11/1999	Nữ	8.0	8.0	6.0	**4.5**	7.5	7.0	5.0	6.80	
136	1707070140	Bùi Thị Thu Trang	02/04/1999	Nữ	7.5	8.5	7.9	8.0	8.5	7.5	7.5	8.03	
137	1707070141	Hoàng Quỳnh Trang	24/02/1999	Nữ	8.0	8.0	6.9	7.0	8.0	6.5	6.0	7.33	
138	1707070142	Hoàng Thu Trang	17/07/1999	Nữ	9.5	8.5	9.4	10.0	9.0	9.0	9.5	9.13	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Chuyên cần (10%)	Giữa kỳ (30%)	Cuối kỳ (60%)					TBC	Ghi chú
139	1707070143	Lê Thị Minh Trang	19/03/1999	Nữ	10.0	8.5	8.0	8.0	8.5	7.5	8.0	8.35	
140	1707070144	Long Thu Trang	29/06/1999	Nữ	9.0	8.0	9.0	9.0	9.0	9.5	8.5	8.70	
141	1707070145	Mai Thu Trang	22/01/1999	Nữ	9.5	9.0	8.6	9.0	9.0	7.5	9.0	8.83	
142	1707070146	Nguyễn Thị Kiều Trang	04/01/1999	Nữ	9.0	8.0	7.4	7.0	8.0	6.5	8.0	7.73	
143	1707070147	Nguyễn Thị Thu Trang	18/05/1999	Nữ	8.0	9.5	8.4	9.0	8.5	7.5	8.5	8.68	
144	1707070148	Trần Thị Huyền Trang	18/12/1999	Nữ	10.0	9.0	7.0	5.0	8.5	7.0	7.5	7.90	
145	1707070149	Vũ Thị Huyền Trang	30/08/1998	Nữ	9.5	7.5	8.1	7.5	8.0	8.0	9.0	8.08	
146	1707070150	Đoàn Thị Tú Trinh	12/12/1999	Nữ	9.5	9.0	7.5	6.0	8.5	7.0	8.5	8.15	
147	1707070151	Lê Thị Thu Uyên	09/12/1999	Nữ	9.5	8.0	7.9	7.0	8.0	7.5	9.0	8.08	
148	1707070152	Nguyễn Thị Hoàng Uyên	16/10/1999	Nữ	8.5	8.5	8.5	9.0	7.5	8.5	9.0	8.50	
149	1707070153	Đoàn Trần Hồng Vân	03/05/1999	Nữ	10.0	9.0	9.3	9.5	8.5	9.5	9.5	9.25	
150	1707070154	Lê Thanh Vân	27/11/1999	Nữ	8.5	8.5	8.9	9.5	8.0	9.0	9.0	8.73	
151	1707070155	Nguyễn Thị Vân	11/01/1999	Nữ	9.5	7.5	9.0	10.0	8.0	9.0	9.0	8.60	
152	1707070156	Trần Ánh Vân	01/08/1999	Nữ	10.0	8.0	8.5	7.5	8.5	9.0	9.0	8.50	
153	1707070157	Nguyễn Đình Vinh	23/06/1999	Nam	9.0	9.5	8.5	9.0	8.5	8.0	8.5	8.85	
154	1707070158	Trần Thị Hoàng Vinh	04/10/1999	Nữ	9.5	8.5	8.1	8.0	7.5	8.5	8.5	8.38	
155	1707070159	Bùi Thị Xuân	05/01/1999	Nữ	10.0	7.5	8.5	9.0	8.0	8.0	9.0	8.35	
156	1707070160	Trần Thị Yến	27/03/1999	Nữ	9.5	8.5	7.1	6.0	8.0	7.5	7.0	7.78	
157	1707070161	Nguyễn Phú Hiệp	26/01/1998	Nam	8.0	7.0	6.1	6.0	7.5	6.0	5.0	6.58	
158	1707070163	Chu Mai Quỳnh	02/03/1998	Nữ	9.5	8.5	7.9	7.5	8.5	8.5	7.0	8.23	
159	1707070164	Phan Thanh Tâm	06/09/1998	Nữ	9.5	8.0	6.1	**4.5**	7.5	6.5	6.0	7.03	
160	1707070165	Nguyễn Diệu Thương	04/09/1998	Nữ	**K**								
161	1707070166	Hoàng Thị Minh Thúy	01/02/1999	Nữ	8.5	8.5	8.4	8.5	8.5	8.0	8.5	8.43	
162	1707070167	Hà Kiều Trang	28/01/1998	Nữ	9.5	8.5	5.6	5.0	7.5	5.5	**4.5**	6.88	
163	1707070168	Phùng Thị Kiều Trang	12/09/1998	Nữ	8.5	8.0	5.8	5.5	7.5	5.0	5.0	6.70	
164	1707070169	Trần Thị Yến	19/04/1998	Nữ	8.5	7.5	4.1	**3.0**	7.0	**3.0**	**3.5**	5.58	
165	1607070044	Đỗ Thị Lan Hương	22/08/1998	Nữ	9.5	8.0	6.3	**4.5**	8.0	7.0	5.5	7.10	
166	1507010198	Lê Thị Mai Phương (cn2)	17/5/1997	Nữ	9.0	9.0	9.0	9.5	9.5	9.0	8.0	9.00	
168	1607020121	Phạm Thu Trang (cn2)	26/12/1998	Nữ	9.5	8.0	7.1	7.5	8.0	9.0	**4.0**	7.63	
169	1607020157	Ngụy Thị Quỳnh Trang (CN	24/8/1998	Nữ	9.5	8.0	6.6	6.0	8.0	6.0	6.5	7.33	
170	1607030090	Nguyễn Thị Hồng Nhung (c	20/2/1998	Nữ	10.0	8.0	8.4	9.0	8.0	8.0	8.5	8.43	
171	1607090084	Nguyễn Yến Nhi (cn2)	07/08/1998	Nữ	**Không đi học**								
172	1607070018	Bùi Thị Mỹ Duyên	12/02/1998	Nữ				9.0		8.5	9.0		**Học lại nghe, đọc, viết lấy điểm cuối kỳ**